

PIERRE REY SOAN

BUT SỬ LƯỢC BIÊN

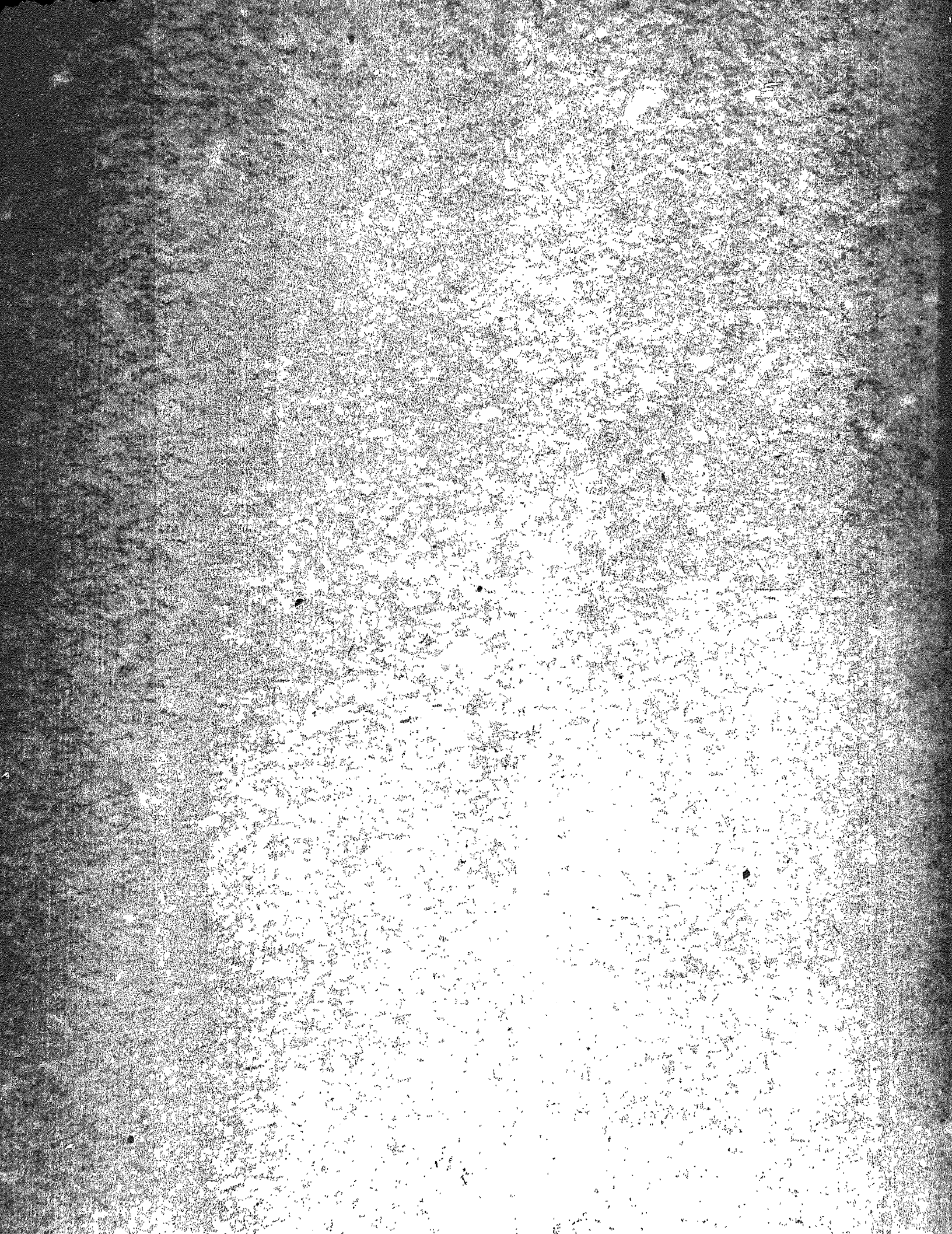
THIỆT TRUYỀN

A. JOYEUX, TRỌ HỌA



0²S
281 (4)

SAIGON
IMPRIMERIE TYPO-LITHO F.H. SCHNEIDER



CUỐN THỨ TƯ



Thuật từ BỤT-NHƯ-LAI lên

THAWADEINTHA,

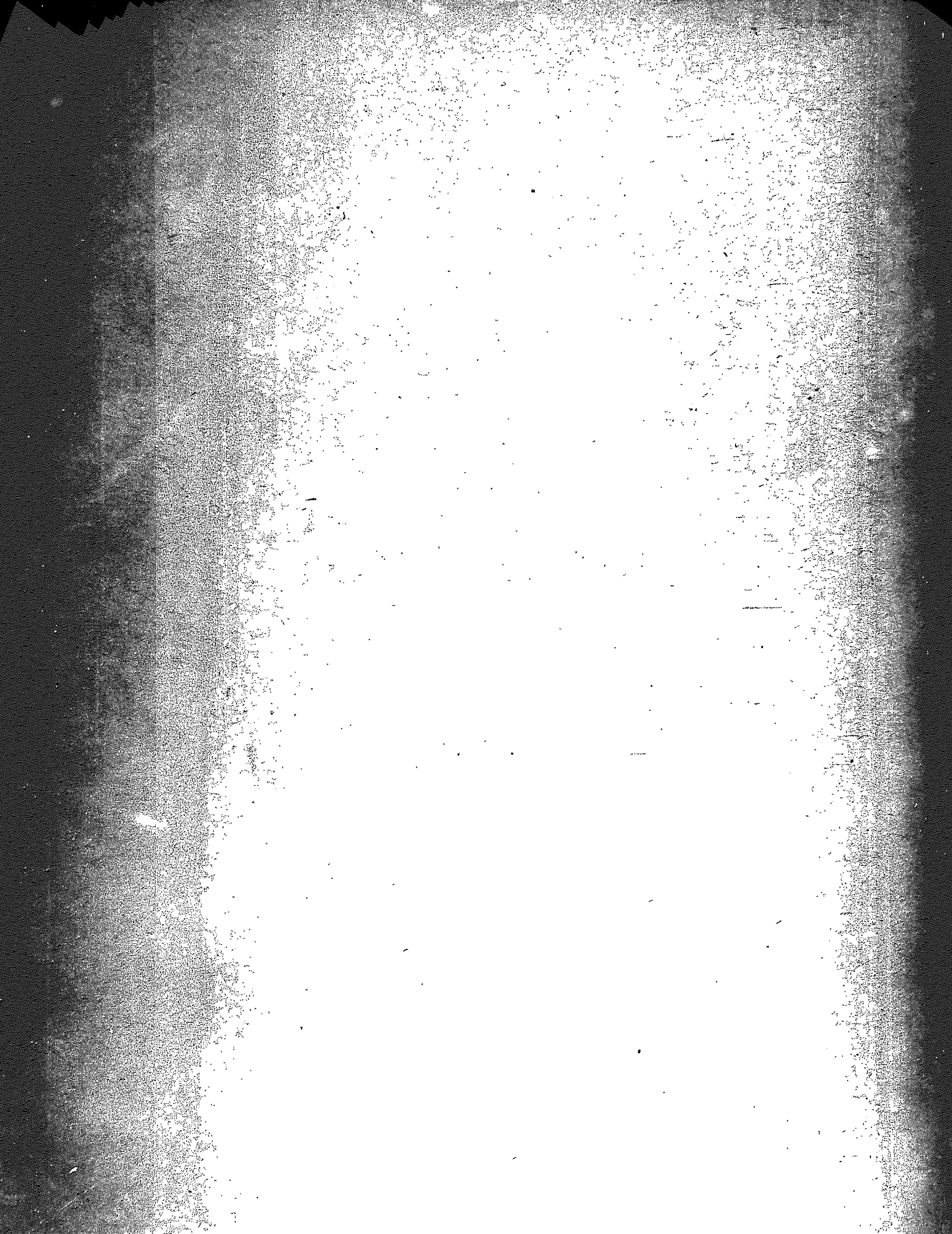
thuật việc hành trình sau rớt của Ngái
và thuật lúc lâm-chung

TẠI

CẢNH KOUTHEINARON (CÂU-THI-NA)



8° 0² 1
281



OUTPALA-VARNA THUẬT TRUYỀN

Khi vua Đâu-đồ-ra băng rỗi, thì bà hoàng hậu Papzapati ở một mình trong đền lưu vắng tại nước Ca-duy-la-việt mà than vng khóc lóc thương nhớ chồng rất yêu dấu, cũng thương nhớ con nuôi là Bụt-Như-Lai, đã từ biệt cố lý. Bà Papzapati hồi ấy muốn theo ngài vào chốn u-nhàn Wethalie mà Ngài không khừn cho.

Song lòng bà Papzapati đã quyết ý tu hành mà thôi.

Các bà Công-chúa xứ Kapila, và xứ Kaulia, bị chồng bỏ quờn cao lộc cả mà đi tu làm sãi hành khất (Ti-khuru) theo dõi chơn Bụt, thì cũng muốn bắt chước gương chồng mà đi tu luôn thể. Các bà Công-chúa bèn đến tại đền Ca-duy-la-việt viếng bà hoàng-hậu Papzapati mà xin bà giúp trao lời cùng Bụt-Như-Lai, cho đó đặc kỳ sở nguyện. Cả thấy trong cơn sốt sắng tự khiêm bèn lấy kéo cắt tóc mây dài đậm được mà quăng dưới chơn bà hoàng-hậu. Cả thấy là năm trăm bà thì tóc đã cắt rỗi, rã cùng đền dày như khăm từ trong đền ra đến đầu thang tam cấp.

Bà hoàng-hậu Papzapati khừn chịu dẫn các bà công thì cả thấy rùng rùng không bình gia chi hộ tống, bèn đi bộ nơi theo đường rừng đặng qua xứ hương Đông. Đi như vậy đã hèn lâu thì chơn bị gai vì dày sần đập sỏi mà lở lói máu mủ, bụi bậm làm cho phẩn lợt duyên phai; sự chịu đói chịu khát nó làm cho mặt mày tiêu tụy, mà trong lòng rất sốt sắng cứ việc đi tới mà thôi. Đi như vậy đã được ba tháng trường mới tới cửa chùa Gouthagahiathala, bèn cùng nhau xin ra mắt ông Đồ-đệ Ananda (Át-năn-đà).

Ông Ananda khi nghe các bà tố trần mọi việc rồi bèn vào trong bạch quả cùng Bụt-Như-Lai. Ngài hèn lâu không chịu cho đờn bà thâm nhập Không-môn. Song bị họ năn

nữ quá chừng, Ngài bèn khấn chịu cho năm trăm bà công vào tu làm bà vải (ti-khuru-ni), trong đám ấy có vợ xưa của But là nàng Ra-ru-đà-la là mẹ của Cộg-tử Rahula (La-hầu-la). Cả thấy đều thề quyết qui Pháp gìn giữ luật chùa cho đến trọn đời.

Song cũng có nhiều bà bị quỷ-sứ Mara là quỷ kiêu-ngạo cảm dỗ, mà tả gần sa ngã muốn bỏ chùa mà hồi tục. Bà vải cả tên là Outpala-Varna thấy vậy bèn thuật truyện như sau đây đặng khuyên giải :

Bà Outpala-Varna nói rằng: « Đây ta thuật truyện của ta. Vẫn ta là con nhà tu trì lưu liên cả đời chẳng hề dừng chơn mà trú ngụ nơi mô, cứ việc đi xứ này qua xứ kia hoài. Bởi ấy ta sanh trưởng theo cha mẹ thân tộc mà đi cùng khắp các xứ chịu nhiều đều khổ sở.

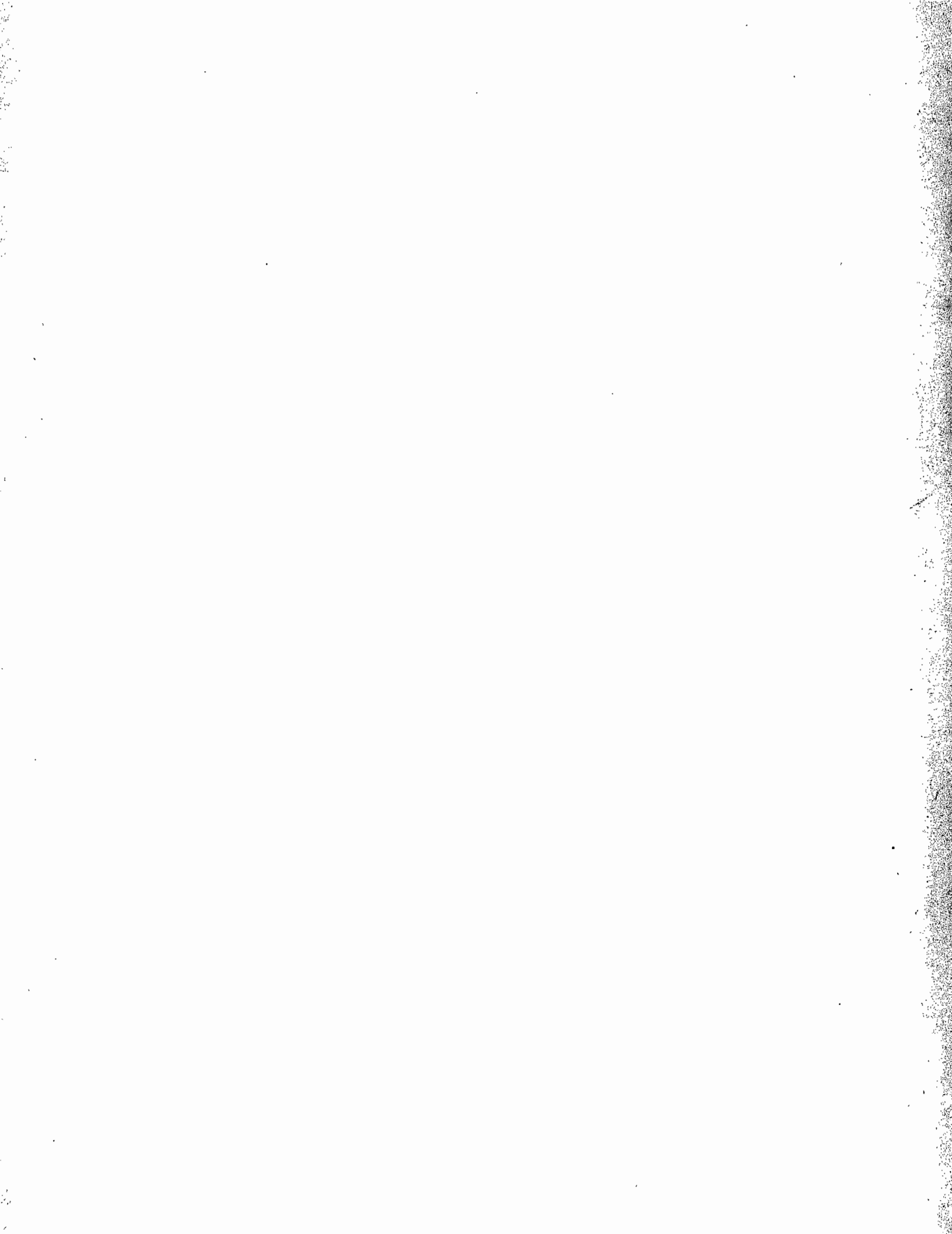
Khi ta nên được tuổi khôn thì cha mẹ ta gả ta cho một người rất tri huệ thông minh. Người chồng ta vẫn đã có con riêng. Khi ta về ở với va chẳng đặng bao lâu ta liền thọ thai gần ngày mãng nguyệt khai huê. Bởi đó ta xin chồng ta di cư qua xứ khác, thì chồng ta cùng ta thượng trình. Song đi mới được nửa đường ta phải dừng chơn lại giữa rừng đi không được nữa vì giờ khai-huê đã đến, ta trở sanh một gã nam nhi. Chồng ta khi ấy nằm gần bên ta mà ngủ quên. Trong cơn giất điệp mê mang ở đâu có một con rắn đến mổ bụng va. Sáng ra ta mới hay là chồng ta đã thất rồi, thân thể đã hôi hám gần thúi sinh.

Ta rất kinh hoàng, bèn công đưa con lớn trên cổ, đai đưa con nhỏ ngang ngực mà chạy theo đường rừng. Khi ấy không thấy ai qua lại một người, mình ta đói khát chẳng biết nhờ ai. Ta ráng gượng đi tới bến sông đã rộng mà lại sâu, con đưa đai, đưa đòng đòng, làm sao qua sông cho thâu.

Ta bèn sanh một kế là để con ghẻ ở lại bên này, ta mang



Người cao-lớn ấy trả lời rằng: « Tôi là kẻ bất hiếu thuở sinh tiền đã làm cho mẹ buồn rầu khóc lóc, »
(Trương Sĩ, 3^o vol.)



con nhỏ ta mà lội riết qua đến bờ bên kia, ta liền để nó nằm trên đồng cỏ khô, đặng lội trở qua bên nọ mà rước con ghê. Song le nó ngồi một mình vẫn vẻ sanh sợ bèn xuống sông mà lội, ai dè nước chảy mạnh hụt chun trôi mất. Ta khóc lu bù, chừng ta lội trở lại thì ta càng phải chua lòng xót dạ hơn nữa, vì con nhỏ ta đã bị thú dữ bắt đi đâu mất rồi.

Ta ngã lòng rưng chí, song cũng ráng gượng mà đi tới. Ngày kia mệt mỏi vô cùng, ta bèn ngồi dựa lè đường đặng mà trông chết. Bỗng đâu ta thấy một bộ hành quen, biết ta hồi thuở ta còn ấu xung. Ta liền hỏi tin tức cha mẹ ta thì người ấy nói cha mẹ ta đã bị cháy nhà mà chết thiêu trong lửa. Nghe tin dữ như thế ta bèn chết giất. Người ấy ẵm ta đem về chòi mà săn sóc thuốc thang điều trị. Khi ta mạnh rồi người ấy xin kết duyên cang lệ cùng ta, ta liền chịu.

Cùng nhau phối hiệp chưa đầy sáu bữa thì chồng ta đã mang vong. Khi ấy phải làm theo phép thì ta bị chôn sống theo chồng ta. May đâu có thú dữ đánh mùi thây ma đến bươi mã, ta nhờ cơ hội ấy chun ra khỏi mã mà trốn, chừng ta vào chùa mà tu trì thì tai nạn liền tiêu mất.

Outpala-Varna nói nữa rằng: « Vì có nào mà ta phải bị tai họa dường ấy, các ni-cô có biết chăng? Tội ta làm thề nào mà phải khổ-sở như vậy?

Số là kiếp trước ta có chồng mà tánh ta hay bông chanh ghen vặt. Ngày kia ta giận chồng ta, ta bèn lấy lông-nhim vàng đâm phủng trái tim con ghê chồng ta, làm cho nó chết tươi. Chồng ta đòi con, ta bèn chối cãi mà thề thốt như vầy: Ba nó ôi! nếu tôi mà có lòng độc dữ giết con mình đi, thì cho kiếp sau tôi có chồng thì chồng bị rắn độc cắn! Con tôi thì đưa chết chìm, đưa bị thú dữ ăn thây! tôi thì sẽ phải bị chôn sống! còn cha mẹ tôi thì sẽ bị lửa thiêu!

Ồ các ni-cô ôi! Đó là lễ báo-ứng thậm tốc. Hãy ngợi khen But-Như-Lai đã có lòng thương xót chư ni-cô mà cho vào đây tu niệm. Hãy bỏ các điều vui sướng trong lúc thiếu niên mà cũng đừng tập thói nói gian nói dối.»

Khi đó là mùa thu thứ 6, bà vải cả này giảng kinh cho các ni-cô nghe tại chùa Gouthagahia-Thala, trong rừng Mahawon, xứ Wethalie.



PHEP LẠ TẠI XỨ THAWATTIE

Khi ấy đến mùa mưa năm thứ bảy thì Bụt-Như-Lai bèn vào chùa Welouwon gần thành Rajagriha mà tạm nghỉ (kiết hạ). Vẫn trong thành ấy có một người cự phú mà tánh tình cứng cỏi không chịu theo đạo Bụt, mà cũng không chịu giữ theo đạo củ xưa nay, và muốn cùng cả gia quyến kiếm tìm đạo nào trọn lành hơn hết thì mới chịu theo.

Người cự phú ấy mới lập một thế mà thử, là lựa một khúc cây bạch-đàng, kêu thợ đẽo ra như hình cái bình-bát của sãi hay dùng mà đi phổ khuyến vậy, rồi để trên bình-bát ấy một câu như vậy : « *Ai giỏi bay lên trên không đem được cái bình bát này xuống cho ta thì ta mới tin nghe theo lời người ấy.* » Các việc dọn rồi và bèn dựng một cây cột cò bề cao 60 hất, rồi treo cái bình-bát ấy trên ngọn.

Vẫn khi ấy trong xứ có được sáu thầy ân-tu rất thông minh cứ một việc không tin đạo Bụt, chẳng hề bỏ qua dịp nào mà không bài bát và bỏ vạ cáo gian cho Ngai.

Nhiều khi các thầy ân-tu ấy năn nỉ người giàu có này báo lên giao bình-bát cho đó, đặng cho dân chúng tin rằng họ có phép nhiều hơn Bụt, sống và không chịu làm như thế.

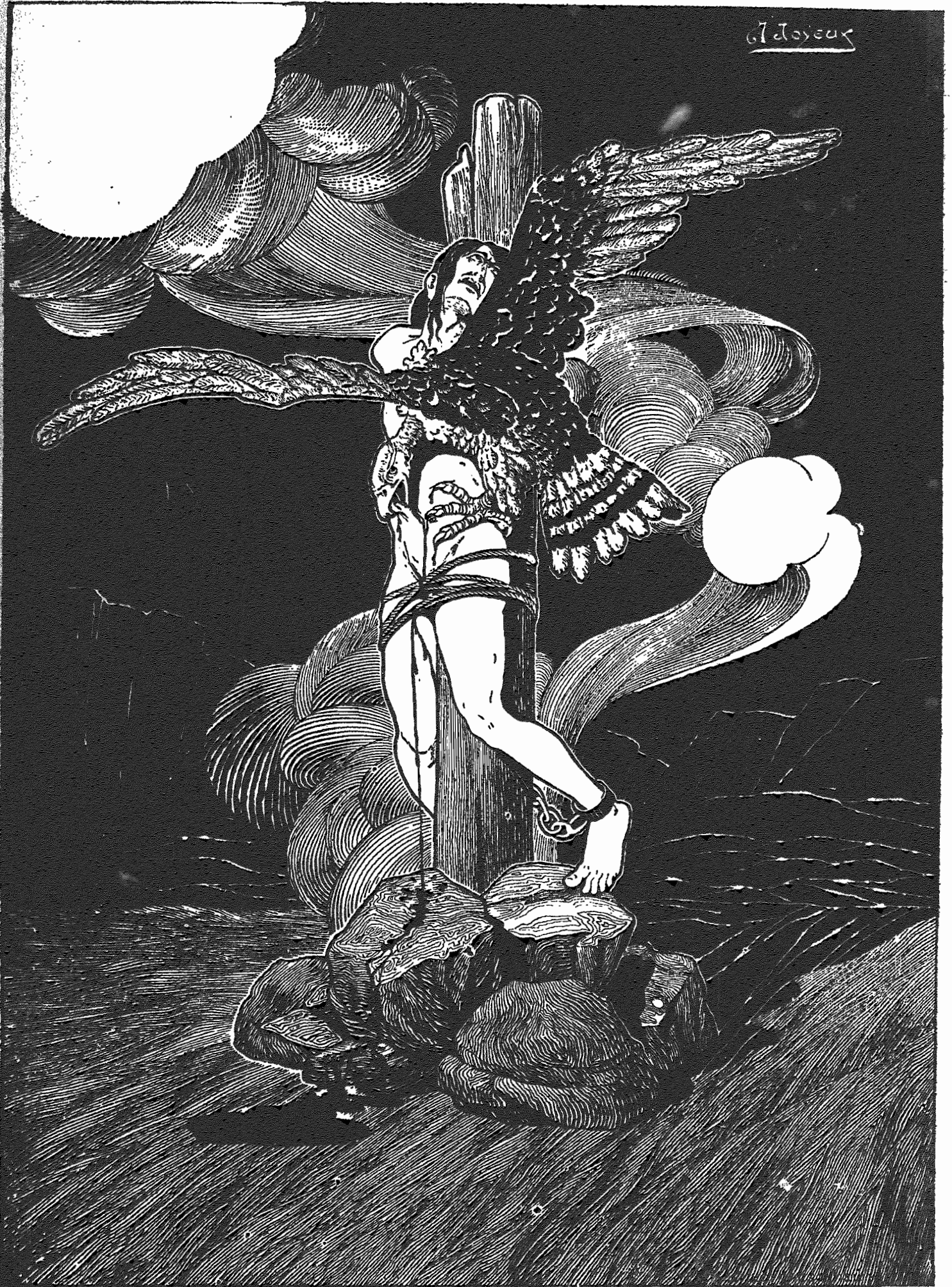
Ngày kia, đại Đờ-đệ của Bụt là ông Maukalan đang đi xin ăn, đi qua ngang gần cột cò có treo cái bình-bát làm bằng cây bạch-đàng, ông bèn hỏi thăm treo như vậy nghĩa là gì? Và lại ông sẵn lòng mà làm phép lạ y như lời ước của tên cự phú đặng mà tán tụng oai danh của Bụt. Song le tăng-sư đi theo ông thấy vậy bèn bạch rằng : « *Việc nhỏ mọn như vậy lựa phải Đại-đờ-đệ của Bụt ra tay mà làm chỉ cho mất công, để cho bần tăng làm cũng được mà.* » nói rồi tăng-sư định thân tưởng niệm một hồi bèn bay bổng lên trên không trung, dùng hai ngón chơn cặp theo một cục đá to bằng đèn

vua, bay đảo qua đảo lại cho thiên hạ coi một hồi, rồi lại gần ngọn cột cờ mà mỡ lấy bình-bát đem xuống đất. Tên cư phủ và các người đứng coi, lại có sáu thầy ân-tu lên đến đó xem, thấy vậy bèn cùng nhau theo Đại-đồ-đệ Maukalan về đến chùa.

Khi [But hay việc ấy, ngài bèn quở đồ-đệ sao việc nhỏ mọn cả rộn vậy đi làm phép lạ chi cho vô ích. Các thầy ân-tu nghịch đạo ấy bèn cắc nghĩa cho dân nghe rằng : But mà rầy đồ-đệ không cho làm phép lạ như vậy là vì But không chắc mình làm phép lạ được. Ngài hay được bèn tâu với Vua xứ Rajagriha khi ấy có đến coi, rằng trong bốn tháng nữa ngài sẽ làm phép lạ tại xứ Thawattie, lạ cho đến đôi kẻ nghịch đạo sẽ phải khâm phục.

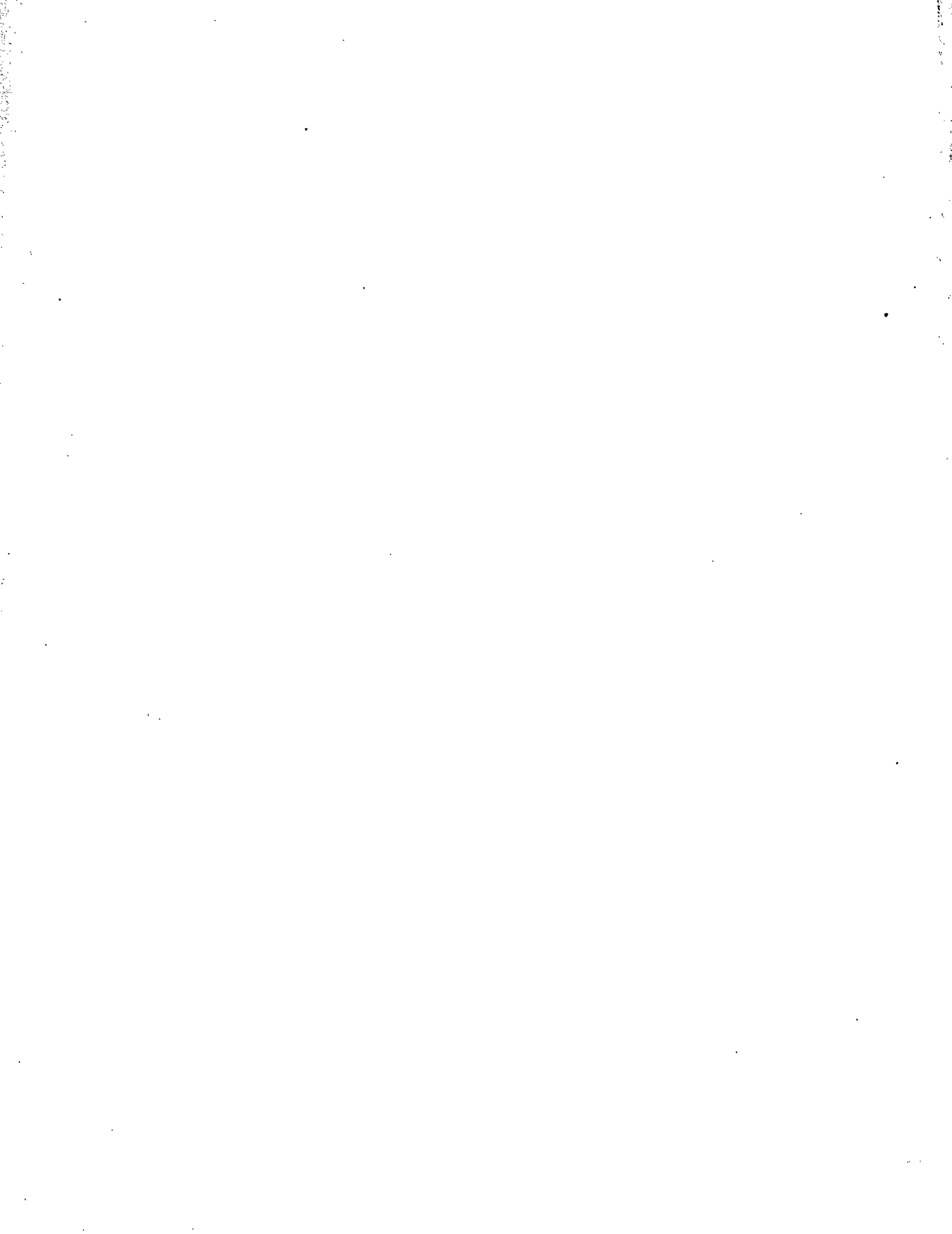
Các thầy ân-tu nghe ngài nói vậy thì trong lòng lo sợ hãi ở gần ngài luôn, ngày đêm không dám bỏ đi. Vì ngài có nói làm phép lạ thử nhưt dưới bóng cây xoài, nên các thầy ân-tu sai lên người đi đốn, nhổ hết các xoài trong xứ Thawattie.

Qua đến ngày rằm tháng Tabaong nhằm tháng hai tây, But cùng Đồ-đệ (tự tứ) bèn từ biệt Rajagriha mà qua xứ Thawattie. Đi dọc đặng hèn lâu ngài bèn ghé lại trước cửa thành, thì có một người làm rầy, rất khiêm cung đường xa chạy lại đem dâng cho Ngài một trái xoài. Ngài bèn nhậm lấy và ăn rồi Ngài giao hột cho Át-năn-đa dạy đem đi lựa chỗ mà trồng đặng mà phá nghi đả nghịch đạo. Vừa trồng rồi thì xoài vừa trở lên một cột to bề cao 50 hất. Các sai nghịch đạo thấy phép lạ như vậy phải mẩn diện đàm tu kinh hoàng mà chạy trốn mất. Người đầu đặng tên là Pourana tức mình bèn lấy đá cột cờ nhảy xuống sông trầm nghịch mà thác, hồn xuống rất đáy địa ngục, kêu là ngục Awidzi.



« Tao móc gan mỳ cũ đời, vì mảy cũ gan lấy em dâu chệ dâu. »

(Trương 91, 3^o vol.)



Đó rồi Ngài cứ làm phép lạ: là Ngài lập trên không-trung giữa trời một đường cái từ Đông qua Tây mỗi đầu thấu tốt biên cảnh thế gian. Khi mặt trời trịch qua khỏi giờ Ngọ mà khi sự ngả về Tây, thì trước mặt bá tánh đến coi đứng chặc đòi ba cái thành vậy, Ngài bèn bước lên thang mà lần theo đường đã lập giữa trời ấy.

Khi ấy có một bà tên là Garamie thuộc đám 500 bà công theo bà Hoàng-hậu Papzapati vào chùa mà tu đó, là một cô vải sốt sắn, bước lại gần Ngài mà bạch rằng: « Bạch quá Tôn-sư, cần gì mà Tôn sư phải mất công vô ích như vậy. Tôi đây là một vải mặt cũng đủ sức mà làm cho các đứa nghịch đạo phải cúi đầu xưng phục. Ngài nghe nói vậy bèn hỏi: « Vậy chớ người tính làm phép lạ gì? »

— Dạ, Bạch-quá Tôn-sư tôi sẽ hóa nước lụt ngập tràn khắp mọi nơi, rồi tôi lặn về hướng Đông mà trời lên hướng Tây như một con gà nước vậy. Khi thiên hạ thấy tôi lội thì chi cho khỏi họ hỏi rằng: « Ủa, gà nước ở đâu mà nhẹ nhàng lặn lội hay và mau lẹ vậy? Thì tôi đáp rằng: « Con gà nước này là vải Garamie con của Bụt-Như-Lai chớ chẳng ai đâu! »

Thì mấy đứa nghịch đạo sẽ nói rằng: « Nếu vải Garamie mà làm được như thế thì Tôn-sư nó lại làm phép chi chẳng đặng sao? Song Bụt không nhậm lời mà nói rằng: « Vẫn bá-tánh nhóm đến đây đặng coi ta làm phép lạ, nên ta phải làm cho họ coi. »

Nói đoạn Ngài nhảy lên trời do theo đường giữa không-trung đặng thiên hạ coi cho tường tận, rồi Ngài hóa ra một ngọn sông thanh thủy bắt từ đầu Ngài xẹt lên trên trời, dưới churn một cái sông lửa xẹt xuống tốt đất, con mắt hữu xẹt lửa sáng lòà, con mắt tả xẹt nước, lửa nước xen lộn nhau mà không hề chối nhau. Ngọn thanh-thủy xẹt lên cho đến tầng trời các Bụt-tổ ở, xẹt xuống thì thấu đáy

địa-ngục, Minh Bụt chói lòa hào-quang rõ rõ, cả ngày Ngài cứ làm nhiều phép lạ đặng mà truyền Chơn-Pháp.

Chiều lại Ngài mới nghỉ như vậy: « Khi xưa các Bụt Tổ trong mùa mưa đã làm các phép lạ rồi thì đi tạm nghỉ tại nơi mô? Thì trí hóa Ngài bèn hiệu các Bụt-Tổ khi ấy rút lên cõi thần-tiên Thawadeintha đặng truyền cho mẹ hay biết Chơn-Pháp.

Bởi ấy Ngài cũng làm y như trước, cũng bay bổng lên chóc núi Miên-mô mà thượng tiên-vực Thawadeintha.

Bá-tánh thấy Bụt biến đi đâu mất thì lấy làm săng sột, ta nha thiết xỉ chẳng cùng rằng: « Cha chả, đứng trọn lành như vậy đi đâu mất, biết đời nào cho chúng ta được thấy mặt nữa?

Song Đại-đồ-đệ Maukalan muốn vờ về bá-tánh bèn nói rằng: « Bá-tánh chớ khá buồn rầu, Tôn-sư ta đã lên cõi tiên Thawadeintha đặng truyền Chơn-Pháp cho từ-mẫu Ngài hiểu, từ-mẫu ngài là bà Maya tịnh-diệu. Đúng ngày rằm tháng mười trăng ló mặt thì Ngài sẽ trở về đây cùng chúng ta. » Thấy thấy thiện nam tinh nữ (1) đều tin Đại-đồ-đệ Maukalan bằng lời, đồn lá cất nhà tạm ở đó mà chờ Bụt-Như-Lai trở về, hằng ngày cứ việc nghe Đại-đồ-đệ Maukalan truyền luật đạo.



(1) *Thiện-nam tiếng chà-và kêu là Upasakas Ưu-bà-tát.
Tín-nữ tiếng chà-và kêu là Upasikas Ưu-bà-ri.*

SỰ TÍCH VUA KANAKAVARNA

Trong kỳ ba tháng Bụt-Như-Lai phải ở trên cõi thần tiên Thawadeintha thì Đồ-đệ Ngài là Maukalan và At-năn-đa cứ việc giảng kinh truyền đạo cho bốn đạo và nhơn gian. Tên lái buôn như đức ở Thawattie tên là Anatapein trong cơn ấy lo cơm nước mà nuôi bốn-đạo và thiên hạ tụ nhau trước cửa thành rất đông.

Maukalan thấy lòng rộng rãi của Anatapein thì khen ngợi và chẳng cùng và giảng cho dân chúng nghe như vậy: « Thuở xưa kia trước khi Bụt Cù-đàm luân hồi xuống thế này nhiều đời, thì có một người kia tên là Kanakavarna là chúa xứ Djambudwipa. Vì thiện chánh nên được phú hữu tứ hải. Trong cung viện có hơn 2 vạn cung phi mỹ nữ, thấy thấy đều tuyệt sắc như con gái của Bụt-tổ vậy. Trong kho đầy đầy vàng bạc, dân chúng hèn lâu khỏi thuế khoá chi hết.

Song ngày kia có các thiên-văn-gia đến cho vua hay rằng: kể từ tháng chín trời làm hạn hán tới 12 năm trường! hoa quả cỏ cây chi đều phải khô chết ráo.

Vua nghe như vậy thì có lòng lo sợ cho dân chúng, bèn sai tàu đến xứ xa mua lúa và vật thực đem về dự trữ đầy đầy các kho tàng trong kinh-đô. Dùng đó mà nuôi dân được 11 năm, song vật thực càng ngày càng hao bớt lần, đến nửa năm thứ 12 kho tàng sạch bách chẳng còn lấy được một tô lúa. Vua thấy dân chúng đồ thần bèn chan hòa giọt lụy.

Nhơn có Bụt Bồ-tát kia đi vân du nơi ấy thấy vua Kanakavarna đang lo buồn bèn thăm nghĩ rằng: « Văn ta đã làm được nhiều việc phước đức rồi, nay ta cũng nên giúp vua này mà làm phúc đặng ta thành chánh-quả. » Nghĩ rồi Ngài

bèn hiện ra hình con hồng-điều bay vào đền vua Kanakavarna. Đến nơi Ngài lại hiện ra hình bần-tăng và đến trước mặt vua.

Vua bèn hỏi: «Lão-sur đến trăm có việc chi chẳng ?

Đạ, muôn tâu, bần-tăng đến cậy vua một bữa cơm chay.

Vua nghe vậy chẳng chút bần dùng, trong đền còn dư lại có một chén cơm, vua liền đem mà thí cho bần-tăng, đổ vào bình-bát và nói rằng: «*Đây là của thí chót hết*», *trăm không còn chi nữa mà thí thêm: Ước sao việc này sẽ giúp cho dân trăm khỏi đói lạnh.* »

Bồ-tát lãnh của thí rồi bay bổng lên trời một chập thì thấy mây tuôn đen kịch bay khắp cả trời, bảy ngày bảy đêm trời mưa lu bù. Ngoài đồng lúa đầu mọc lên lổ xổ, một ngày thấy trổ bông, đậu hột rồi vàng chín, qua ngày thứ chín trời mưa xuống tinh những áo xiêm rồi mưa vàng, mưa bạc, mưa ngọc, mưa ngà mưa đủ thứ màu sắc.

Thuật đến đây đồ-đệ Maukalan kêu bôn-đạo mà nói rằng: «*Ở các bôn đạo ôi! Hãy coi sự tích đó mà tập làm phước bố thí.* »

Đây là chuyện các đồ-đệ giảng dạy cho nhơn dân tụ trước thành Thavattie mà nghe trong khi Bụt-Như-Lai vẫn mặt.



BỤT-NHU-LAI TRỞ LẠI DƯƠNG-GIAN

Bụt lên cõi thần-tiên Thawadeintha đã được 12 tuần lễ rồi cứ ngày đêm lo truyền Chơn-Pháp cho các thần tiên: Các tiên các thần-thánh ở các miền khi nghe Bụt lên bèn tụ đến đó mà viếng Ngài. Mẹ ngài nay làm con của một vị tiên kia ở cõi Thouthita đến ngồi bên tay hữu Bụt mà nghe Ngài giảng. Đến lúc Bụt phải về dương-gian thì mẹ Ngài là bà Maya tinh-diệu được thăng lên cõi Brahma Bụt-tổ.

Song thiên hạ tụ hội trước cửa thành Thawattie trong lòng nóng nảy trông Ngài, mỗi ngày cứ xăng văng hỏi thăm Đại-đồ-đệ Maukalan chừng nào Bụt trở lại, Đại đồ-đệ bèn hứa lên cõi Thawadeintha mà xin Bụt trở về dương thế: Đại-đồ-đệ bèn độn thổ một hồi rồi trời lên nháy phóc bay bổng lên chót núi Miên-mô.

Khi đến trước mặt Bụt thì Đại-đồ-đệ tỏ bày áo lý.

Bụt bèn hỏi lại rằng: « *Ồ con, vậy chớ anh con là Tharipoutra nay ngụ tạm chùa nào trong mùa mưa này? — Dạ anh con là Tharipoutra nay tạm ngụ tại làng Thin-kha-tha — Ấy vậy, con hãy hạ dương-trần cho thiện-nam tin-nữ hay rằng trong 7 ngày nữa đúng ngày rằm tháng hai thì ta sẽ có mặt tại làng Thin-kha-tha. »*

Dân chúng nghe vậy rất mừng rỡ, bèn từ biệt thành Thawattie cùng nhau kéo thẳng qua làng Thin-kha-tha.

Vẫn có một Bồ-tát lo dọn đường cho Bụt trở lại dương-trần, lo làm ba cái thang, đầu kê trên chót núi Miên-mô, chun đục đất trước cửa làng Thin-kha-tha.

Cái thang chính giữa làm bằng đá ngọc thạch, thang bên hữu bằng vàng, thang bên tả bằng bạc.

Đúng ngày đã định Bụt Như-Lai từ biệt cõi Thawadeintha lại gần đầu thang giữa ngược mặt lên xem trời thì cả cõi thần-tiên, cả vực Bụt-tổ đều nguy nga rõ rõ mở rộng cho con mắt nhọn gian thấy được. Đoạn Ngài cúi mặt ngó xuống đất thì cả cuộc âm-ty khôn nạn ghê gớm bày tỏ cho con mắt đương gian xem được.

Khi ấy Bụt-như-Lai cả mình chói lòà hào quang, thiện nam tín-nữ thấy tạng mặt. Ngài lần lần bước theo thang ngọc mà hạ trần, có một vị-tiên đi trước cao rao danh vọng của Ngài, sau lưng có một Bụt-tổ giương lọng vàng che hầu Ngài. Bên thang tả muôn trùng thần-thánh theo đưa đón ngài, bên thang hữu có các Bụt-tổ ở trên ngôi cực phẩm xuống đưa Ngài hạ giới.

Khi Ngài xuống đến chót núi thì bàn chơn Ngài in vào đá, những bốn đạo sốt sắng làng Thin-kha-tha thấy điềm lạ mau mau cất một cảnh chùa tại đó.

Vì trong Bụt-Pháp có dạy rằng: hễ Bụt nào đã thành chánh quả lên cõi tiên mà giảng chơn-ngôn, khi về hạ giới phải in bàn chơn làm giấu tại nơi bá-tánh đến đón rước ngài đó, nên có nhiều nơi theo đạo Bụt thường thấy dấu có giấu chơn Bụt thì có một cảnh chùa cất mà che cái giấu chơn ấy.

Khi Ngài hạ giới rồi Ngài bèn đi thẳng đến chùa Dretawon mà tạm nghỉ trong mùa mưa năm thứ tám.





« Nhơn cuộc tướng găm tu niệm của ta dưới cây Bồ-đề thì ta khấn cho cái đầu này hết
(Trục

ĐẠI-VƯƠNG OUGALIMALA

Từ ngày Bụt-Như-Lai lên truyền Chơn-Pháp trên cõi tiên rồi Ngài trở xuống phạm-trần trước cửa làng Thin-kha-tha cho đến năm chót hết, thì trong cơn ấy Ngài đã lớn tuổi và mệt mỏi nên một ngày một bớt sức, song cũng cứ đi xứ này qua xứ kia, từ Đông chí Tây, từ Nam chí Bắc, giảng dạy chơn ngôn chẳng hề ngừng.

Còn các đồ-đệ khi đã đăng chức thiêng-sư rồi thì từ biệt Ngài lâu ngày mà đi giảng đạo các nơi, mỗi người mỗi phang, khắp cả thành thị cho đến chốn quê mùa nữa.

Các Đại-đồ-đệ tựa trần ra tứ phang cũng như pháo hoa-cải xẹt vậy, mà truyền chơn Pháp, Cả cuộc giảng đạo ấy có Bụt-Như-Lai chủ trương như thế được 35 năm nữa.

Ta tiếc không thể thuật hết được từ hồi, từ mùa, các công việc của Ngài làm. Song ta xin thuật việc xảy đến trong mùa thu năm thứ 20 mà Bụt-Như-Lai dụ được Đại-vương Ougalimala là đầu đảng ăn cướp núi trong xứ Kosala, và thuật việc tên Đệ-hoa-đạt trong mùa năm thứ 37 âm mưu giết Ngài mà bị khổ hình.

Số là lúc nạn nhằm mùa thu năm thứ hai mươi. Bụt Như-Lai từ biệt thành Thawattie, phải đi ngang qua rừng to ở giữa thành ấy và xứ Kosala.

Vẫn trong rừng ấy có một tên ăn cướp rất oai thế hung hiểm thiên hạ chung quanh đó đã lâu năm rồi. Ai mà đi gần ổ hang nó ở thì thấy đều bị nó giết, có một đôi người thoác khỏi về thuật lại rằng: nó chặt tay người bộ hành lấy ngón xỏ xâu đeo cổ như chuỗi vậy.

Bụt-Như-Lai nghe vậy liền nhứt định đi đến hạn Đại-vương này.

Vân vua Pasenadi nhiều khi ở trên đền có nghe tiếng rên xiết khóc than của kẻ đi đường bị Đại-vương bắt mà giết, và nhiều khi nghe nó găm hét om sòm thì vua và bá-tánh năn nỉ Bụt xin đừng có đi đến đó vì có cuộc lộng hiềm, mà Ngài không nghe theo, bèn xam xam đi thẳng vào han thẳng ăn cướp cạn ấy. Ougalimala khi thấy ngài đi gần đến thì nó sấm sừa giết Ngài. Song khi nó nghe Ngài khuyên lơn thì chun nó bị dính dưới đất như bị trời trồng vậy. Nó la hét ó ré om sòm mà Ngài cứ lấy lời hiền từ nho nhã mà dỗ nó. Cách một giờ đồng hồ Đại-vương Ougalimala điệu lần rồi ăn năn xin lỗi Ngài mà chịu theo đạo làm đồ-đệ Ngài hết lòng khiêm nhượng.

Ngài bèn dắt nó về thành. Khi đến nơi Ngài dảy mặt lại mà nói rằng: *Ở bốn đạo rất yêu dấu, Ougalimala đây nay đã cải tà qui chánh, chúng người hãy noi theo gương hiền-từ nho-nhã là một phép rất màu. dầu ai ngang tàng hung bạo cho thế mấy cũng phải thua.* »

Ngài hằng khuyên lơn bốn đạo phải ăn ở hiền lương, chẳng phải lần này là lần thứ nhứt đâu, vì Ngài nói nếu muốn có công quả thì phải hiền từ, nay Ngài nhắc lại như vậy là vì tại xứ Kosala dân chúng đều có tánh ngang tàng, ít ưa đều thảo thuận.



ĐỆ-HOÀ-ĐẠT THỌ KHỔ HÌNH

Khi Ngài đến chùa Welouwon mà tạm nghỉ trong mùa mưa năm thứ 37, thì bôn-đạo thành Rajagriha chạy đến lay mừng Ngài, cả thấy mặc đồ tang mà khóc than vì vua Bimbisara bị con bắt hiếu dành ngôi, bắt cha hạ ngục, bị bỏ đói khát mà phải chết rứt trong tù. Vẫn vua này cách năm chục năm trước khi nghe Thái-tử Sĩ-đạt-tha (chữ Tào âm Tất-đạt-đa) bôn đào đi ngan qua đó thì vua ra tại cửa thành Rajagriha đón rước một cách rất cung kính, mà khi ấy Thái-tử mặc áo bần-đạo. Ít mùa sau khi Thái-tử tu tri đã thành chánh quả trở về thì vua lại nghinh tiếp một cách rất sang trọng.

Bởi ấy Ngài thương vua này hơn hết, nay nghe tin vua bị việc khổ sở mà chết oan, Ngài bi lụy khôn cùng. Song vì Ngài đã rõ thấu hồn vua đã được vào hàng Bụt-tổ nên Ngài mới ngúi ngoai.

Vua chết rồi thì con bắt hiếu và sát phụ ấy lên ngôi, tên là Adzatathat.

Vẫn vua này không ưa đạo Bụt mà sau lại phải qui-y thọ Pháp. Vua bèn lấy lòng binh vực tên Đệ-hoà-đạt là một tay rất nghịch đạo. Vẫn nó là bà con với Bụt-Như-Lai mà nó có tánh nghịch luận nên sanh ra nghịch thù dữ tợn như thế.

Trước hết Đệ-hoà-đạt mượn ba chục tên lính cầm cung-nỏ, hễ gặp Ngài đi hành khắc ngoài thành phố thì phải bắn chết Ngài đi. Song khi lính thấy Ngài thì chúng nó liền quăng cung tên mà qui mọp dưới chơn Ngài.

Đã vậy mà Đệ-hoà-đạt còn hăm hăm không chịu cải tà qui chánh. Nó thừa con Bụt-Như-Lai đi dạo dưới chơn núi Wertsagaut, nó bèn lẳng đá to té xuống dặng giết Ngài.

May nhờ cút đá té nhằm cây mà hễ nát văng miếng trúng nhằm chun Ngài chảy máu. Các bôn-đạo xúm lại khiến Ngài đem về chùa lấy vải nhúng nước lạnh đắp vào đó thì chun Ngài liền lành đã.

Song bôn-đạo e sợ tánh mạng Ngài còn bị hiểm nguy, bèn xin phép Ngài thay phiên nhau mà canh giữ chung quanh chùa.

Ngài bèn nói rằng : « *Chúng người e sợ đều chi vậy ? Vậy chớ chúng người không rõ rằng không có phạm-nhơn nào mà có phép hại đến tánh mạng ta sao ?* »

Rồi đó ngày thứ Ngài cứ việc một mình đi phỏ-khuyến ngoài thành phố.

Đệ-hoa-đạt sanh kế khác, là nó bắt một con voi cho uống rượu say rồi thả ra cho voi chạy đến vặc Ngài. Song khi voi say chạy lại còn mười bước nữa đến mình Ngài thì nó liền qui mọp xuống đất, gờ vùi mà tét cùng bốn phía trời, ấy là có ý tỏ lòng cung kính Ngài.

Song cũ mùa thu tên Đệ-hoa-đạt cứ lo mưu này kế kia dặng hại tánh mạng Ngài. Nó dụ được 500 sãi ở xứ Kosala cùng nhau vào trú ngụ tại chùa Gayathita.

Ngài hay tin ấy bèn sai đồ-đệ Tharipoutra dịch thân qua đó mà đem các sãi làm quấy ấy trở về.

Tharipoutra vưng lời qua đó dắt hết 500 sãi về chùa thì tên Đệ-hoa-đạt rất nên giận dữ thẳng xông đến chùa chỗ Bụt-Như-Lai đang tạm nghỉ mà trả thù cái nhục ấy. Cả thầy đồ-đệ và bôn-đạo thấy vậy thì kinh hãi vô cùng, mà Ngài cứ việc điềm nhiên nghiêm nghị. Khi Đệ-hoa-đạt đi đến gần Ngài thì đất liền nứt ra thỉnh thoãn nước trộng chàng va đem vào địa ngục Awitzi, ai nấy thấy vậy cho là linh thỉnh.

Đệ-hoa-đạt phải thọ khổ hình một kiếp như vậy :

Chun bị chôn vào đất nóng cho đến mắt cá.

Đầu bị niền vòng sắt nướng cháy trắng xác. Cả mình bị lụi xiêng-quay nướng đỏ, một cây từ trước bụng ra sau lưng, một cây từ trên đầu xuống bàn tròn.

Đó là phần phạt của Đệ-hoa-đạt phải chịu. Việc này xảy ra trong mùa mưa năm thứ 37, mà khi đó Bụt-Như-Lai đã chun mỗi gối rừng, song Ngài cũng còn ráng đi lên các xứ hướng bắc sông Gange mà truyền Chơn-Pháp.



NHỊ VỊ ĐỒ-ĐỆ NHẬP NIẾT-BÀN THÀNH BỤT

Càng năm Bụt-Như-Lai càng già yếu nên hễ mỗi khi Ngài có đi thành này qua thành kia thì Ngài đi chậm hơn lúc trước, mà thiên hạ thì càng ngày càng nghe Ngài giảng dạy một thêm, vì bất tảo tất vãng chắc không còn được nhờ Ngài chỉ đường mỡ nẻo nữa.

Ngày kia Ngài đi đến chùa Dzeta-won gần thành Thawattie thì có Đại-đồ-đệ là Tharipoutra ra đón rước Ngài mà nói rằng: « *Bạch quá Tôn-sư, con muốn xin phép Tôn-sư về Thọ-vực mà an-nhàn tiêu-diêu trước tôn-sư. Nếu được vậy thì con xin hỏi cố-lý đặng truyền Chơn-Pháp cho mẹ con trước khi giãi thi.* »

Bụt-Như-Lai cho phép, song Ngài dạy Tharipoutra phải giảng kinh cho các chúng tăng nghe một lần sau chót.

Khi chúng tăng tề tựu rồi thì Tharipoutra nói như vậy: « *Ở chúng-tăng rất yếu đuối, phải cùng nhau thuận hòa sum hiệp, hễ được vậy thì chúng tăng đặng vững vàng mạnh mẽ luôn.*

Phải hết lòng cung kính kẻ có quyền cai trị chúng người và phải khâm phục Chơn-Pháp luôn.

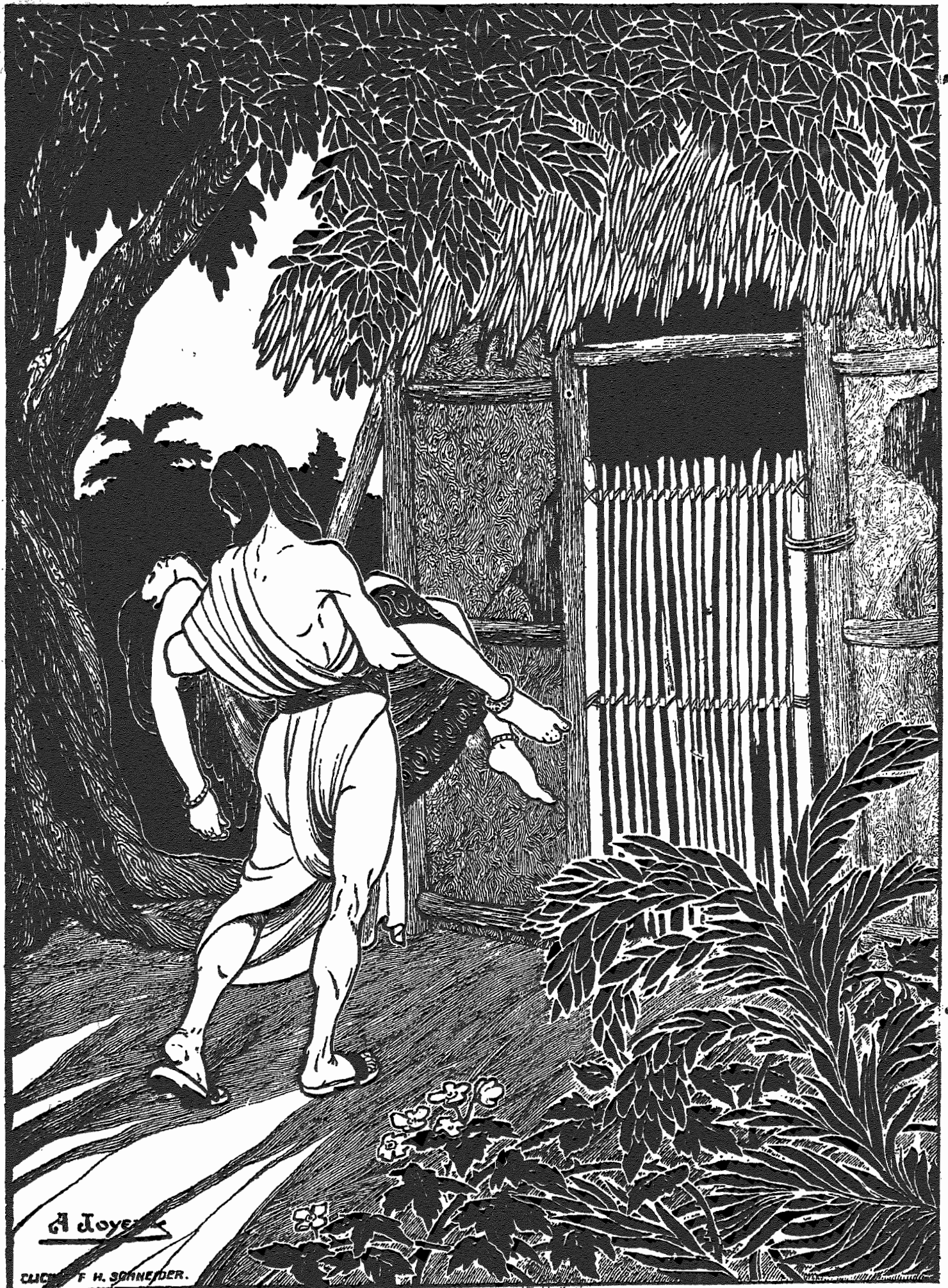
Phải năng trai giới an tịnh,

Phải trọng đãi các tăng-sư và bố thí cho kẻ nghèo nàn.

Chớ khá tự kiêu, đừng thấy bồn đạo đông mà tự đắc.

Chớ gần kẻ xấu. Hãy tránh xa các cuộc vui chơi là đều dối giả. Ráng học hành cách vật trí tri. »

Tharipoutra dạy đủ các lẽ rồi bèn từ biệt chùa Dzeta-won mà trực chỉ làng Nalanda là chỗ mẫu từ đang trông đợi.



A Joye

C. H. SCHNEIDER.

Người bộ-hành bèn âm ta đem về chòi mà săn sóc thuốc thang điều trị rồi xin kết duyên cùng ta.

Trước đầu làng có trẻ nhỏ đang chơi, thấy Tharipoutra về, nhón biết bèn chào mừng thì Ngài bảo nó như vậy: « *Con phải về cho mẹ thầy hay rằng thầy về gần tới nhà, xin mẹ thầy dọn cái phòng chỗ thầy sanh để thuở trước đặng thầy về đó mà giải thi.* »

Về đến nhà, Tharipoutra giăng Chơn Pháp cho mẹ nghe, đoạn mặc áo sãi và mang giầy tràng-hạt vào, nằm nghiêng phía tay mặt trực thị rồi lần lần giải thi, hồn về Thọ-vực tiêu điều khoái lạc.

Bá-tánh trong làng lo tống táng Ngài một cách rất trọng thể. Khi thiêu xác Ngài rồi thì em Ngài là Tsanda lượm tro đem qua chùa Dzetawon. Bụt-Như-Lai tiếp lấy dạy xây tháp trước chùa mà chôn vào đó.

Kế đó mùa thu đã tới, Bụt-Như-Lai ra đi, dò theo bờ sông Gange mà lần hồi sang qua xứ Magadha đặng viếng thăm lần nữa. Đến nơi Ngài mới hay Đại-dồ-đệ Maukalan cũng đã giải thi rồi. Vẫn Maukalan khi ấy trú ngụ tại núi Isigili là chỗ có sãi đạo cũ cũng đó vào rừng bỏ quần áo ở trần trường mà tu. Các sãi ấy thấy Bụt-Như-Lai dắt đạo bèn sanh lòng tậ đố, mới toan mưu giết Maukalan, vì không thể giết Bụt, nay tính giết đồ-đệ Ngài mà rửa hờn.

Các sãi ấy cùng nhau áp vào han của Maukalan trú ngụ đập chết nát như tương, rồi đem thây quăng trong cụm rừng.

Khi chúng tăng nghe tin dữ như vậy bèn ai bi mà than thầm rằng: « *Sao Đại-dồ-đệ lại bị bắt đắc kỳ tử vậy?* »

Mà Bụt đã biết ý nên Ngài dạy rằng: « *Ta nên cho chúng người biết rằng Maukalan chết dữ như vậy cũng là đáng lắm. Vì kiếp trước nó có làm một việc ác, nó bắt cha mẹ nó đã già mà lại đui đem vào rừng ma giết rồi quăng thây trong buội, đặng có hưởng gia tài cho sớm. Về tội ấy mà nó đã bị*

phạt dưới địa ngục ngàn năm, nay nó phở chất theo một
thê thì mới vào được Niết-bàn thành Bụt.

Bởi vậy chúng tăng phải ở cùng cha mẹ cho hết lòng
hiếu thảo, và nhọn từ cùng kẻ dưới.

Ngài nhắc đi nhắc lại các lời chót này, vì cây Sala còn trở
bóng có một lần nữa thì thầy trò phải phân ly.



BỤT ĐI TRUYỀN ĐẠO LẦN CHỚT VÀ GÂN ĐẾN GIỜ LÀM CHUNG.

Khi ấy Bụt-Như Lai hưởng thọ đã được 80 tuổi rồi biết mình bất tảo tất vắng phải vào Phi-phi-tướng-xứ nên trong trí Ngài đã nghĩ định trước sẽ về đạu mà giải thi.

Lúc nọ nhằm mùa thu đã sang, Ngài bèn từ biệt thành Rajagriha mà qua thành Wethalie do theo bờ hữu sông Gange, gặp dân của vua xứ Magadha đang lo cất thành thị thì Ngài dừng chun tại đó mà nói cùng dân ấy rằng: « Chúng người hãy hết lòng làm cho phần chẵn, vì thành này sau sẽ to hơn các thành to và oai thế hơn các thành oai thế. »

Mã quả thật như vậy, thành này sau đặt tên là Patali nhiều đời là kinh-đô xứ Thiên-trúc, nay đã hư mất còn lại một làng tên là Patna ở đó.

Ngài tiên-truyền như vậy đoạn Ngài qua sông thỉnh thoảng do theo đường hướng Bắc mà sang thành Wethalie vào chùa Gouthagalathala là chỗ Ngài ưa hơn hết.

Lúc Ngài đến làng kia lên là Belouva cách xa thành Wethalie chẳng bao lâu hơi thì Ngài dạy các đồ-dệ theo hầu Ngài mà hỏi rằng: « Mùa nầy là mùa mưa chót ta còn ở chốn phàm-trần nầy, chúng người hãy đi về, để ta một mình vào chùa Gouthagalathala đặng tưởng gắm các phép rồi ta sẽ truyền lại cho chúng người biết trong lúc ta gân lên cõi thọ mà hưởng phước tiêu điều. »

Các đồ-dệ vưng lời Ngài bèn vào chùa bỏ hoang mà tình dưỡng trong cả mùa mưa. Nhơn cơ hội ấy quỷ chùa đang Mara đến cảm dỗ Ngài lần chót như vậy: « Ở Đại-Bồ-tát

ôi! ở chi-tốn chi-trọng Bụt, nay gần giờ ông vào niết-bàn-thành-Bụt. sao còn diên trì ở chốn phàm trần chi vậy ha ông? khi ông tu niệm dưới gốc cây Bồ-đề đã thành chánh quả rồi thì ông có hứa rằng: ở phàm-trần này cho đến ngày thiên hạ nhơn-gian đã hiểu biết Chơn Pháp đặng mà tu thân cho được thì ông mới về cõi thọ. Vòn nay thiên hạ đã rõ Chơn-Pháp rồi thì ông phải về cõi thọ, sao lại còn dụ dụ ở chốn này làm chi?

Bụt-Như-Lai đã rõ thấu rằng loài người còn phải cần cho Ngài dạy dỗ nên Ngài đuổi quỷ chúa-đàng bảo đi cho rảnh.

Song khi ấy Ngài tuyệt sự sống trong trí Ngài đặng dọn mình vào Phi-phi-tướng-xứ.

Khi mùa thu đã lập thì Ngài dạy At-năn-đà đi nhóm các sãi ở gần chung quanh thành Wethalie đến cho Ngài dạy việc. Khi các sãi tề tựu đủ mặt thì Ngài ngồi giữa đồ-đệ mà nói rằng: « ở các đồ-đệ rất yêu dấu, chẳng còn bao lâu nữa ta sẽ vĩnh biệt bây đặng về nơi đã dọn mà hưởng phước tiêu diêu. Chúng người còn ở lại thì phải lo giữ các phép mà truyền đạo cho thiên hạ, thay thế cho ta mà cứ làm tới hoài.»

Ngài nói rồi bèn lấy bình-bát mang vào vai đặng đi hành khác lần chót trong thành Wethalie.

Bạn trở về gần ra khỏi cửa thành Ngài dừng chvern tại một đám đất trồng đầy những xoài, day mặt lại xem thành Wethalie là thành đã hết lòng nghe Ngài giảng dạy và hay vui lòng bố thí, là chỗ Ngài đã dụ được nhiều đồ-đệ rất trung tín. Song trong trí Ngài đã tiên tri rằng chẳng khỏi ba thu thành Wethalie danh vọng tự do mà rất tin tưởng lẽ đạo này sẽ bị Adzatathat (vua sát phụ) là vua xứ Magadha phá hủy tan nát. Ngài xem thành trung tín lần sau chót ấy một cách rất buồn bã vô cùng, mà không nói ra cho đồ-đệ hay, đoạn Ngài cứ việc thỉnh thoãng đi tới, do theo đường làng Pawa

lần theo chơn núi to mà qua thành Koutheinaron (câu-thi-na).

Khi Ngài đi đến làng Pawa nhằm ngày hai mươi chín thì có một người bồng đạo tên là Tsonda đến mời Ngài dùng bữa. đồ ăn vĩ vèo dọn cách kỹ lưỡng, có thần thánh trộn hương vị vào đó mà dâng cho Bụt-Như Lai. Ngài ăn lấy có. vì cả thân thể đã tê mê gần đến giờ giải thi đặng vào Phi-phi-tướng-xứ.

Ngài nghỉ tại nhà Tsonda vài giờ rồi từ giã ra đi qua thành Koutheinaron. Ngài đã đi chậm mà lại vì yếu quá phải ngã qua ngã lại, trong thân thể đau đớn như dần. Theo Bụt-Pháp thì bất câu là ai, hễ muốn vào cõi thọ mà hưởng phước tiêu điều thì giờ lâm chung phải chịu đau đớn. Nhiều khi Ngài phải dừng chơn ngồi theo lẽ đường mà nghỉ mệt.

Khi đến gần rạch kia thấy một ông hoàng dòng Malla dẫn 500 cỗ xe lợi ngan qua, thì Ngài dạy Át-năn-đa lấy bình bát xuống rạch mút nước cho Ngài uống đã khát. Át-năn-đa bạch quá rằng: vì bị quân lính mới lợi ngan nên nước đã đục không nên mút uống. Ngài bèn quả rằng: *« Sao mi cãi lời ta. Cứ nghe theo ta mà đi mút. »*

Khi Át-năn-đa vưng bình xuống rạch mút nước đem lên thì thấy nước trong như mắc mè, như thủy-tinh, lại thơm tho như rượu thiên-hương.

Ông hoàng Malla mừng tin rằng có Bụt-Như-Lai ở bên này rạch, bèn qua mà kính lạy Ngài cùng xin Ngài giảng dạy.

Đây ta không lẽ đi thuật cho hết các lời của Ngài giảng dạy cho ông hoàng ấy nghe, ta nói tắt một điều là khi trước ông hoàng này không hề chịu tin đạo Bụt, nay mới nghe Ngài dạy đạo thì ông ấy liền theo đạo, bèn dạy quân lấy ra hai vóc vải dệt bằng kim tuyến mà dâng cho Ngài. Ngài bèn thọ lãnh của lễ, lấy vải choàn vào mình thì cả

quí thể Ngài chói lòa rực rỡ như mặt-trời, tinh khiết như bông huệ, ánh sáng như ngọc kim-cang.

Kế đó Ngài ra đi qua thánh Koulheinaron Gần đến cửa thành Ngài kêu Át-năn-đà mà dạy rằng: « Ở con, vậy trước mé rừng kia con có thấy hai cây cao lớn đó chẳng? Con hãy đến giữa hai gốc cây ấy dọn chỗ cho ta nghỉ, phải dạy đầu nằm trở về hướng bắc.

Át-năn-đà vưng linh, Ngài theo sau đến nơi nằm xuống chính giữa hai cây Sala ấy, nghiêng phía hữu qua một bên, chun tả gát tréo trên chun hữu.

Ngài nằm rồi, tuy hai cây Sala ấy chưa phải nhằm mùa mà liền trở nụ nở hoa tràn trề. Còn các cây chung quanh rừng cũng đều đua nhau tái vượng. Năm thứ bông huệ trạc hà sa số nở đua. Núi Hymawonta ánh hào quang sáng tốt như mống trên trời. Chư tiên, chư thần thánh hối hả vãi hoa có mùi thiên hương xuống đầy chỗ Ngài đang nằm mà giải thi.

Trên các tầng trời có tiêu thiên nhạc vô ca xang: Trời, đất, thánh thần, chư Bụt-tổ, chư Bồ tát cùng loài người hiệp lực mà làm cho giờ lâm chung Ngài rất nên vinh diệu.

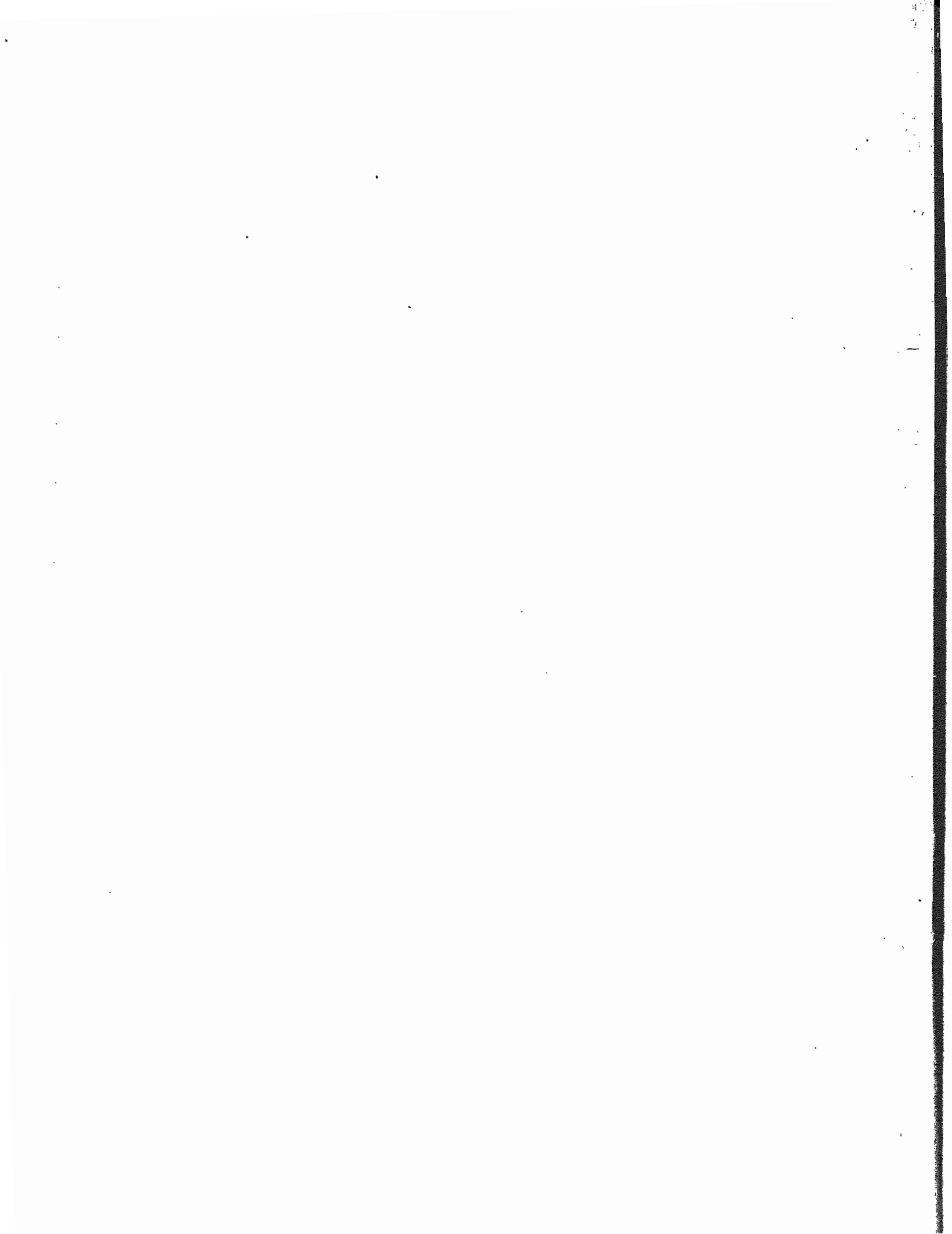
Bụt-Như-Lai bèn đòi hết chư đồ-đệ đến gần mà dạy lẽ đạo, chỉ rõ mấy đoạn còn mờ hồ, ai hỏi chi đều trả lời phân minh và cũng khuyên lơn các kẻ còn yếu đức tin. Át-năn-đà vì mũi lòng nín khóc bức rức trong mình phải chạy ra ngoài, nên không nghe được các lời sau chót. Chạy ra ngoài ôm then cửa đền vua Malla mà thiên hàng soái lụy, than van rất nên thể thảm như vậy: « *Tôn-sư tôi chết rồi! Còn ai đâu mà dạy tôi các lẽ đạo, còn ai đâu đặt điều dắc tôi trong đường Chơn-Pháp. Thôi còn gì là tôi, Tôn-sư tôi chết rồi, thì tôi hết ai mà thần tỉnh mộ khan sớm dâng nước rửa mặt, trưa lo rửa chun cho Ngài, cùng là sớm sanh tràng-bạt bình bát cho Ngài đi phổ-khuyến!* »



CLICHÉ. F. H. SCHNEIDER.

« Đây là cửa thí chót hết, trăm không còn chi nữa mà thí thêm: Ước sao việc làm phước này sẽ làm cho dân trăm khỏi đói lạnh! »

(Trương 106)



Bụt Như-Lai dòm lại chẳng thấy Át-năn-đà bèn dạy đòi vào. Ngài kêu lại đứng gần bên mà dạy rằng: « Át-năn-đà! Con khóc lóc mà làm chi. Vậy chớ lắm khi ta không có giảng cho con nghe rằng ở đời này hễ hữu hình tất hữu hoại sao? rằng ta phải về cõi thọ là chỗ đã dọn sẵn chờ ta, mà ít lâu sau con cũng lên đó? »

Ấy là lời chốt của Bụt Chi-tôn. Từ đó đến cùng trí Ngài đã lia thể bay ngan qua các tầng Bụt-tổ, bay tước lên hoài, đến tầng vô danh, tiêu diêu khoáng lạc không chi sánh được; và khi tại hướng Tây ngôi sao chốt hết đã lặn thì Ngài đã vào Phi-phi-tướng-xứ (Paranirwana).

Địa chấn làm rung cả thế gian, lời hoanh rền khắp các tầng trời, thì loài người và các Bụt-tổ biết rằng Bụt-Như-Lai bế cuộc luân hồi các kiếp của Ngài lại, bèn mọp lạy mà than khóc.



CUỘC TỔNG TÁNG BỤT-NHƯ-LAI

Khi thiên hạ hay tin Bụt đã chết rồi thì thiện nam tín nữ than khóc không cùng như vậy : « *Bụt chí-tôn chí-đại là đứng biết hết việc thế gian, đã vội về Phi-phi-tướng-xứ. Thì còn ai đâu mà điều dắt chúng tôi ?* »

Mà Anourouda là đồ-đệ của Bụt trong đám trọn lành nhắc lại cho thiện nam tín nữ nghe những lời của Bụt dạy dỗ nhiều khi như vậy : *Chớ nên than van, chớ nên khóc lóc, việc chi đều có số mạng, chẳng ai chạy khỏi Phép sanh ký tử qui.*

Anourouda nói rồi đoạn bảo Át-nan-đa qua thành gần cảnh Koutheinaron (Càn-thi-na) mà thông tin cho các hoàng Mallas hay rằng Bụt-Như-Lai đã vào Phi-phi-tướng xứ rồi.

Khi nghe được tin buồn như vậy thì các hoàng Mallas lấy làm thảm nảo vô cùng, bèn chạy cùng thành cho vạn gia bá tánh hay, rồi sắm sanh các mùi thơm tho, các thứ vải quý lạ dắc bá tánh qua đến chỗ Bụt giải thi mà điếu tang.

Gần nơi ấy thiên hạ lo cặm lọng cho các hoàng xứ Koutheinaron tạm ở đó bảy ngày đêm mà cư tang, xem xác Bụt mà niệm kinh, đoạn 8 ông hoàng mặc sắc phục đại triều, xuống sông rửa trắng rồi vào khiên xác Bụt đem đến chỗ thiêu mà đặt lên giàng hỏa.

Song khi vô đến nơi dọm mà khiên xác thì khiên không nổi, dường như xác Bụt đã dịch khẩn với đất rồi.

Thấy vậy thì Anourouda đến gần các hoàng mà nói rằng : « Xin các ông chớ khá khinh động, vì chư tiên chư thần thánh cũng muốn đến mà cư tang cùng thiêu xác Bụt,

ấy vậy chư-công nên hiệp lực cùng chư thánh thần mới được. Các việc phải làm sao tôi xin chỉ rõ: Phải đem xác Ngài ra ngã Tây-môn, rồi đi vòng theo tường thành mà đến cửa Nam-môn, qua đến Bắc-môn phải trở lại vào thành. Đoạn phải khiên xác Ngài đi ngang qua thành, hai bên dâng phải xông hương và ca ngợi, rồi khiên thẳng ra ngã Đông môn tước vào rừng, đến chỗ kêu là Makoulabaudana mà lập giàng hỏa để xác Ngài lên đó.

Các hoàng đều nói: « *Chúng tôi xin vưng theo ý chư Bụt-tổ, chư thần, chư thánh.* » Nói rồi khiên xác nhẹ như lông.

Chư tiên cùng chư thánh chư thần ở trên trời rải bông lạt xuống cùng đàn, và cất tiếng ca xang. Bá-lánh thì xông hương, các hoàng Mallas khiên xác Ngài thỉnh thoảng đi tới do theo đường đã chỉ.

Khi xác đến giữa thành có một người đờn bà goá giàu có tên là Mallika ôm vải quý đến sắp mình dưới chơn Anourouda mà xin cho phép đắp trên xác Bụt. Vải ấy dệt bằng kim-tuyến tốt và khéo lạ trên đời ít thấy. Khi đắp rồi thì xác Ngài coi dường như một khối vàng chói lòa rực rỡ.

Lần lần xác đã đến nơi. Thiên hạ đem nhũ hương, mộc dược và bạch đàn đến nhiều mà làm giàng hỏa cao đến 120 hất. Xác Bụt thì phải tần bằng vải rẻo rất nhuyễn và bông vải y theo luật tần liệm các vị vương đế vậy, rồi liệm vào hòm vàng mà để lên giàng.

Khi ấy Anourouda bảo: « *Khoan đã, vì chưa tới giờ. Ông đại-dồ-đệ Kathaba (Maha Ca-điếp) đi gần tới. Phải đợi ông đến mà xem xác Bụt lần sau chót.* »

Vẫn Kathaba hay tin Bụt đã giải thi, bèn lật đật qua thành Koutheinaron. Khi đến nơi ông giơ hai tay tới ngang trán, đi vòng giàng hỏa ba lần mà đọc như vậy: « *Đây là phía chơn Tôn-sur, đây là phía đầu Tôn-sur:* »

Đoạn ông đứng lại mà nói lớn rằng : « *Tôi ước ao thấy chun Ngài một lần sau chót đặng coi các dấu tiền định rằng số Ngài phải thành Bụt. Ấy vậy các rẻo vải này phải tự nhiên đứt đi, hòm này tự-nhiên dỡ nắp, giàng-hỏa này tự-nhiên hạ thấp xuống.* »

Tức Thì y như lời nguyện, giàng hỏa hạ thấp xuống, chun Bụt lộ ra gát trên đầu Ca-điếp.

Đoạn các cuộc trở lại y như cũ, rồi thỉnh linh ở đâu lửa vùng phát cháy một hồi thiêu xác tàn rụi, còn lại vài cút thang bọn và một vài cái xương nhỏ của Bụt, to hơn hết thì bằng hột đậu ngự, giống như hột chuỗi vàng, còn nhỏ hơn hết thì bằng hột mè giống như nụ bông huệ. Các Đồ-đệ lượm để vào bình vàng, đem đến chỗ Ngài giải thi mà đặt đó, trên có che lọng, đặng thiên hạ trong xứ Koutheinaron đến đó thờ lạy 7 ngày đêm.

Vì sợ người ăn cắp xương Ngài là đồ Kỷ-niệm rất quý nên các Hoàng Mallas cho vây 4 vọng canh giữ, nào voi, nào ngựa, nào xe, nào tướng, đi vọng gìn giữ đêm ngày.





Khi tại hương Tây ngôi sao chót hết đã lặn thì ngài đã vào Phi-phi-tương xứ.

(Trương 121)

TRƯƠNG CHÓT, LỜI TÔNG LUẬN

Ông chân-tu Dzewaka-Rahan là thiềng-sư chùa Ourdana xứ Đệ-hoa-hạ, khi chép hết Bụt-sử rồi, Ngài bèn biên trong lá chót các lời như vậy : « Trí ta chẳng phải muốn bày tỏ cho thiện nam tín nữ biết những việc xảy đến sau khi Bụt-Như-Lai Cù-đàm ở xứ Ca-duy-la-việt đã vào Phi-phi tưởng-xứ đâu ! là thuật lại cho hiểu Đại-Đồ-đệ Maha Ca-điếp của Bụt làm cách nào mà giảng đạo, và bởi đâu mà Chơn-Pháp, Chơn-Ngôn tỏa tràn ra đến các xứ hướng Đông đặng mở mang trí dân chúng.

Có lẽ hậu nhựt ta sẽ viết nữa đặng mà lập công cho ta,

Nhưng nay ta chỉ nói một điều mà thôi :

Văn cuốn phong thì hay làm sập ngã cây rừng, chớp nháy chói lòa vân vũ, như phụng-hoàng phi đảng trên không-trung, thì tin Bụt giải-thi cũng thế, đồn khắp các nước Đông-phang, Trung-châu và Tây-phang mau lẹ như tên.

Vua chúa dân giã ai nghe tin ấy cũng đều rơi lụy. Vua xứ Ca-duy-la-việt, vua Rajagriha, vua xứ Xa-Lợi, đều sai sứ đến cảnh Kouthenaron mà xin xương và tro Bụt. Cả thầy bèn chia ra làm tám phần đồng nhau mà giao cho 8 vua, đem về xứ cát chùa to mà thờ phượng. Các xứ được đồ kỷ-niệm quý của Bụt là : thành Rajagriha Kinh-đô xứ Magadha khi trước tiếp rước tượng đài Bụt lúc mới bỏ đền mà đi tu, Kouthenaron là chỗ Bụt về đó mà giải thi, thành Wethalie là chỗ Ngài triệu mộ hơn hết, Rama, Pawa, Allakapata Witadipaka, và Ca-duy-la-việt-quốc, là chỗ Thái-tử Sĩ-đạt-tha (Tất-đạt-đa) sanh trưởng rồi sau thành Bụt-Như-Lai.

Ta xin choặng công quả vì đã chịu khó chép cho thiên-nam tín nữ biết sự tích của Bụt đã dạy chúng ta chơn Đạo.

Ta ước sao đến lúc hết luân hồi cũng sẽ thành Bụt bát-lâm và từ-bi. Và ta cũng ước sao như Bụt-chi-tôn thương xót hết các loài.



CHUNG





BUT-SŪ MỤC-LỤC

Đoạn	Trương
T. ầu-tự.	5
Kinh của người chân-tu chép truyện But-đạo đọc.	7
Đại khái thật sự.	9

Quyện nhứt

Kể từ thượng cổ cho đến ngày But giảng trần trong xứ Ca-duy-la-việt.	12
Cư-phủ Thoumeda sự tích.	15
Xứ Ca-duy-la-việt.	18
Đám cưới nàng Maya.	21
But chí-tôn ở chốn thần thánh tướng gãm.	23
But luân hồi đầu thai.	26
But Như-lai xuất thế.	29

Quyện nhị

Kể từ ngày giảng sanh Hoàng-tử Sĩ-đạt-tha cho đến ngày Ngài đắc lậu quang-minh ngồi dưới gốc Bồ-đề mà thành But.	33
Sự tích Như-Lai-But hồi thuở ấu-xung.	35
Lễ thân-canh tịch-diễn.	38
Điềm lành ứng hiện.	41
Nhứt thứ tướng gãm.	44
Thái-tử Sĩ-đạt-tha bốn đào.	47
Chốn Huruwela u-nhàn.	49
Nàng Sư-gia-la cúng trọng lễ.	51
But Như-Lai.	54

Quyện tam



Thuật cách nào mà But Như-Lai khỉ đoan làm cho máy But-Pháp cử động chuyện Pháp-luân và làm cách nào mà giảng truyện Chơn-Pháp	59
Bảy đều tướng gãm.	61

Đoạn	Trương
Vài giờ chót nơi rừng Huruwela.	65
Lục thập đồ đệ.	67
Thành Rajagriha hữn danh.	70
Sự tích Dzanecka.	72
But-Như-Lai hồi cố lý.	80
Công việc của But-Như-Lai mỗi bữa.	85
Sự tích tên Maïtra-Kanyaka.	89
Vua Đầu-đồ ra thăng hà.	93

Quyển tứ chung

Thuật từ But Như-Lai lên chốn Thawadeintha, thuật việc hành trình sau rớt của Ngài và thuật lúc lâm chung tại cảnh Kouthe inaron.	95
Outpala-Varna thuật truyện.	97
Phép lạ tại xứ Thawathie.	101
Sự tích vua Kanakavarna.	105
But Như-Lai trở lại dương gian.	107
Bai-vương Ougalimala.	109
Đệ-hoa-đạt bị khổ hình.	111
Nhi Đệ đệ nhập Niết-Bàn thành But.	114
But hành trình lần chót và giờ lâm chung của Ngài.	117
Sự Tống-táng But Như-Lai.	122
Trương chót, lời tổng luận.	125




Certifié conforme au tirage
Devant à : mille vingt exemplaires
Saïgon le 18 Mars 1904




Imp. F.-H. SCHNEIDER. — Saigon.